

FUKUOKA WOMEN'S UNIVERSITY

START BOOK 2018

INTERNATIONAL STUDENTS

7 FEATURES

7 đặc trưng

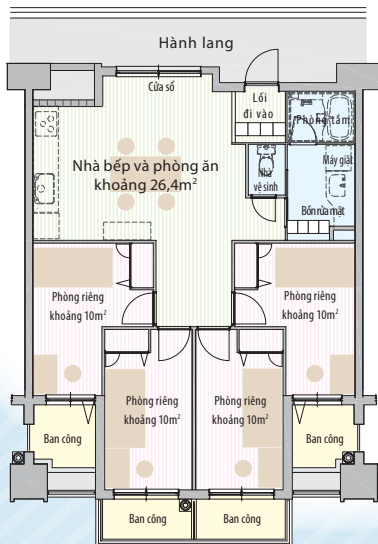
của khoa Khoa học tự nhiên xã hội và nhân văn
Quốc tế trường Đại học nữ sinh Fukuoka

Ký túc xá sinh viên - nơi du học sinh nước ngoài và sinh viên Nhật Bản cùng nhau sinh hoạt

Với 4 sinh viên một phòng, sinh viên sẽ được
trang bị khả năng tạo dựng mối quan hệ xã hội
và hiểu được sự khác biệt về văn hóa, cũng như
khả năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài

Sinh viên
tham gia vào
hoạt động ký túc xá

Bản vẽ phác thảo mỗi phòng



■ Ký túc xá sinh viên quốc tế Nadeshiko

[Chi phí] Số tiền mỗi năm 180.000 yên

*Bao gồm phí điện nước, Internet

[Thiết bị] Máy điều hòa, bàn, ghế, tủ quần áo, giường, đường truyền internet, nhà bếp (bếp từ IH, tủ lạnh, nồi cơm điện, lò vi sóng, ấm nước), phòng tắm (có vòi sen), máy điều hòa, bồn rửa mặt, nhà vệ sinh, máy giặt, máy hút bụi, kệ để đồ, kệ giày, điện thoại nội tuyến, v.v...

[Quản lý - an ninh] Hệ thống khóa tự động, bảo vệ bằng camera, nhân viên bảo vệ, v.v..., nhân viên quản lý thường trực

Chương trình giáo viên hướng dẫn

Trong khoảng thời gian 4 năm từ
khi nhập học cho đến khi tốt
nghiệp, các giáo viên chuyên môn
sẽ chịu trách nhiệm đối với từng
sinh viên, hướng dẫn và chỉ bảo
sao cho các sinh viên sẽ học tập
một cách chủ động và có hệ thống.

Thông qua thực tế ở trong và ngoài nước

■ Thực hiện giảng dạy thực tiễn như trải nghiệm
thực tế ở nước ngoài, thực tập, phục vụ cộng đồng, v.v...

■ Hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức phi lợi nhuận,
cơ quan nhà nước, khuyến khích và hỗ trợ các hoạt động
đóng góp cho xã hội mang tính tự lập của sinh viên.

Lớp học quy mô nhỏ (mỗi lớp từ 15~20
sinh viên), trang bị các kỹ năng học tập
cơ bản tại trường đại học.



Các môn cơ bản chung

Ngoài 3 lĩnh vực cơ bản “Khoa học nhân văn”, Khoa học xã hội” và “Khoa học tự nhiên”, còn có các “Môn tổng hợp” mang tính phổ quát, ngoài ra còn có “Nghệ thuật – cảm thụ” để nuôi dưỡng sự cảm thụ của sinh viên. Trang bị cho sinh viên cách nhìn nhận và suy nghĩ đa chiều về mọi vấn đề.



Chương trình giảng dạy tiếng Nhật – tiếng Anh

Từ năm 1 đến năm 2, các sinh viên sẽ được dạy 4 kỹ năng Nghe – Đọc – Nói – Viết môn tiếng Nhật – tiếng Anh trong lớp học quy mô nhỏ.



Hợp tác với các trường đại học nước ngoài, tiếp nhận du học sinh

Trao đổi Du học
Số sinh viên tham gia chương trình **22 sinh viên**

Nghiên cứu ngôn ngữ - văn hóa
Số sinh viên tham gia chương trình **81 sinh viên**

Học tập thông qua trải nghiệm thực tế ở nước ngoài
Số sinh viên tham gia chương trình **55 sinh viên**

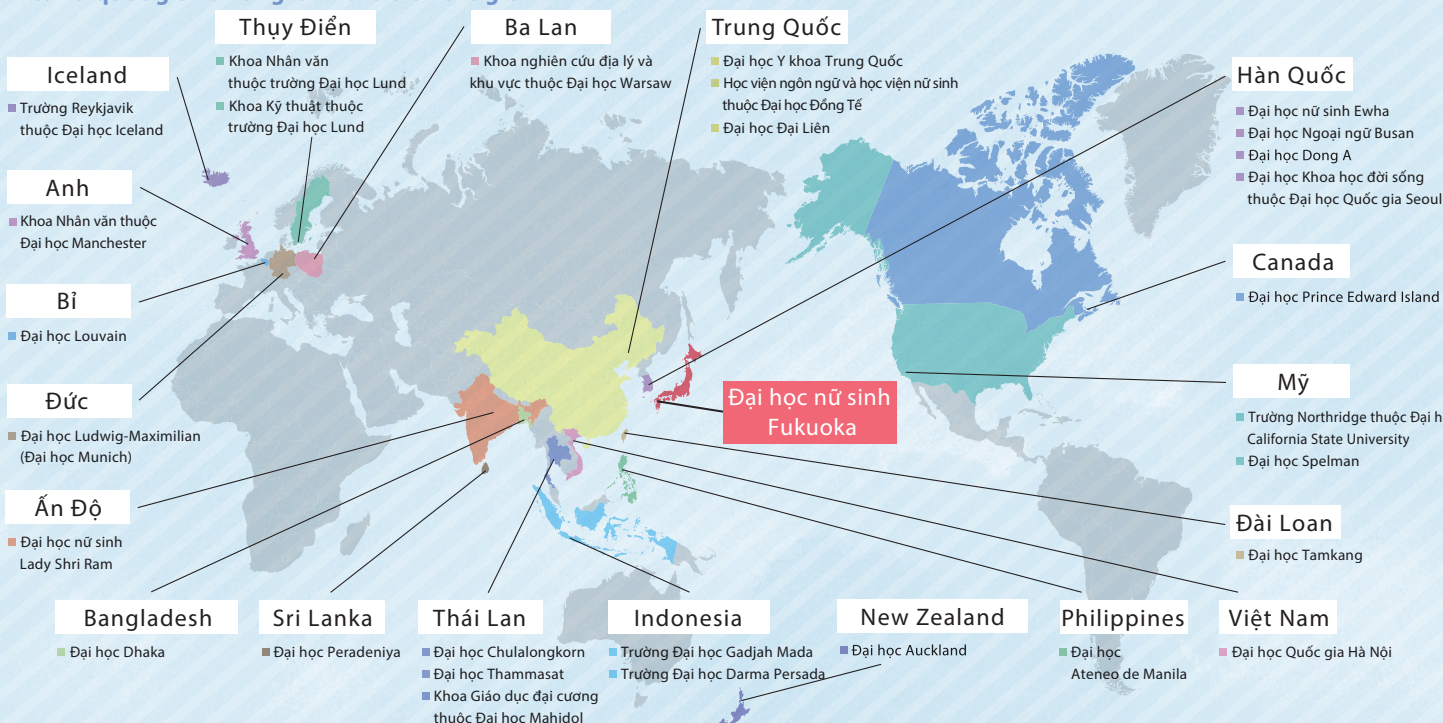
Số lượng sinh viên phải cử năm 2016

Số du học sinh nước ngoài theo từng quốc gia – khu vực (không bao gồm du học sinh ngắn hạn)

Tính tới thời điểm tháng 4/2017



Trường thỏa thuận trao đổi sinh viên: 29 trường đại học từ 19 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới



Ngành Giáo dục quốc tế

Department of International Liberal Arts

Văn hóa ngôn ngữ Nhật Bản	Để có nhận thức tương đối về một thế giới toàn cầu hóa, trở thành người có thể mang văn hóa Nhật Bản giới thiệu ra thế giới, sinh viên sẽ học sâu về văn hóa và lịch sử của Nhật Bản, hơn nữa sinh viên còn được học về văn học Nhật Bản, tiếng Nhật và các môn chuyên ngành liên quan đến việc giảng dạy tiếng Nhật.
Văn hóa ngôn ngữ Âu Mỹ	Nghiên cứu trải rộng về văn học, ngôn ngữ, tư tưởng và lịch sử của các nước khu vực Âu Mỹ (đặc biệt là các nước Mỹ, Anh, Đức, Pháp), trau dồi khả năng tư duy, phân tích để hiểu biết và nắm bắt nhiều khía cạnh trong các nguyên tắc vận động của xã hội quốc tế hiện đại từ các quan điểm về văn hóa.
Nghiên cứu khu vực Đông Nam Á	Bên cạnh việc đào tạo các năng lực ngôn ngữ Trung Quốc, Hàn Quốc, sinh viên còn được học các môn chuyên ngành về văn hóa - xã hội khu vực Đông Á, có kiến thức về các nước, đặc biệt là Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và từ đó hiểu được mối quan hệ của các nước này.
Quan hệ quốc tế	Tìm hiểu những vấn đề liên quan đến chính trị quốc tế, phát triển và hợp tác quốc tế, hiểu về sự thành lập các dân tộc, quốc gia trong xã hội mang tính toàn cầu và ý nghĩa cũng như tính đa dạng, mối quan hệ hỗ trợ qua lại và tầm ảnh hưởng của chúng.
Quản lý – kinh tế quốc tế	Cùng với việc trau dồi kiến thức cơ bản về văn hóa – xã hội quốc tế, sinh viên sẽ được giáo dục về kinh tế quốc tế, quản lý quốc tế, được đào tạo các kiến thức về hệ thống kinh tế của Nhật Bản và nước ngoài, các mối quan hệ kinh tế và quản lý tổ chức.

Ngành Khoa học môi trường

Department of Environmental Science

Vật chất và môi trường	Nghiên cứu đặc tính của các chất hóa học trong môi trường, trau dồi khả năng phân tích, đánh giá các vấn đề môi trường về mặt hóa học.
Sự sống và môi trường	Được đào tạo những kiến thức về cấu tạo và chức năng của cơ thể sống, những ảnh hưởng của sự biến đổi môi trường gây ra cho hệ sinh thái và sức khỏe con người, mà nguyên nhân của sự biến đổi này là do hoạt động của con người.
Đời sống và môi trường	Sinh viên sẽ học kiến thức về mối tương quan giữa lối sống của con người cùng với môi trường xã hội – môi trường tự nhiên ở khu vực, trong và ngoài nước.
Chính sách môi trường quốc tế	Nhằm mục đích xây dựng một xã hội hài hòa với môi trường, sinh viên sẽ học năng lực phân tích các vấn đề môi trường từ quan điểm kinh tế học, khả năng suy nghĩ tổng hợp và phân tích để có thể đưa ra chính sách liên quan đến môi trường ở trong và ngoài nước.

Ngành Thực phẩm và sức khỏe

Department of Food and Health Sciences

Khóa đào tạo chuyên gia dinh dưỡng

BẬC SAU ĐẠI HỌC

GRADUATE SCHOOL

Ngành Khoa học xã hội và nhân văn

Graduate School of Humanities and Social Sciences

Chuyên ngành Văn hóa Ngôn ngữ	● Chương trình đào tạo sau đại học giai đoạn 1 Khóa Văn hóa Ngôn ngữ Nhật Bản Khóa Văn hóa Ngôn ngữ tại những vùng nói tiếng Anh	● Chương trình đào tạo sau đại học giai đoạn 2
Chuyên ngành Khoa học xã hội	● Chương trình đào tạo sau đại học giai đoạn 1 Khóa Xã hội Công nghiệp quốc tế Khóa Quan hệ quốc tế	● Chương trình đào tạo sau đại học giai đoạn 2

Ngành Khoa học môi trường và con người

Graduate School of Health and Environmental Sciences

Chuyên ngành Khoa học môi trường và con người	● Chương trình đào tạo sau đại học giai đoạn 1 Lĩnh vực Khoa học tự nhiên và môi trường Lĩnh vực Quản lý môi trường Lĩnh vực Khoa học sức khỏe và dinh dưỡng	● Chương trình đào tạo sau đại học giai đoạn 1 Lĩnh vực Khoa học môi trường Lĩnh vực Khoa học sức khỏe và dinh dưỡng
--	---	--

CHẾ ĐỘ HỖ TRỢ DU HỌC SINH QUỐC TẾ

SUPPORT FOR INTERNATIONAL STUDENTS

Sinh viên
đại học

1. Phí nhập học Miễn toàn bộ phí nhập học (520.000 yên)
 2. Học phí Miễn học phí (Học kỳ I: 267.900 yên, học kỳ II: 267.900 yên)
- [1] Năm thứ 1, lựa chọn dựa trên thành tích khi thi tuyển sinh

* Nếu số người đạt đủ tiêu chuẩn miễn trừ vượt quá 10 người, thì sẽ quyết định theo thứ tự thành tích

Miễn toàn bộ học phí: nếu đáp ứng được 1 trong 2 điều kiện sau đây (tối đa 10 người)

1. Điểm "Tiếng Nhật" của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) đạt tương đương trong khoảng 20% vị trí đầu trong tổng số người dự thi, đồng thời các môn khác đều phải trên điểm trung bình
2. TOEFL trên 60 điểm hoặc TOEIC trên 600 điểm

Miễn một nửa học phí: nếu đáp ứng được 1 trong 2 điều kiện sau đây (tối đa 10 người)

1. Điểm "Tiếng Nhật" của Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) đạt tương đương trong khoảng 30% vị trí đầu trong tổng số người dự thi, đồng thời các môn khác đều phải trên điểm trung bình
2. TOEFL trên 50 điểm hoặc TOEIC trên 550 điểm

[2] Từ năm 2 ~ năm 4, lựa chọn dựa trên thành tích của mỗi nửa kỳ

Miễn toàn bộ học phí: GPA từ 3.6 trở lên

Miễn một nửa học phí: GPA từ 3.4 trở lên
(các du học sinh không thuộc diện miễn toàn bộ số tiền)

* Những điều nêu trên là chế độ của năm 2016. Chế độ này có thể thay đổi, du học sinh vui lòng xác nhận trước. Khi có thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo trên trang web của trường, v.v...

3. Ký túc xá Trong suốt 4 năm theo học, các du học sinh sẽ sinh hoạt tại "Ký túc xá sinh viên quốc tế Nadeshiko" – nằm bên trong trường đại học.
4. Chương trình tiếng nhật học thuật (AJP: Academic Japanese Program)
5. JD-Mates Trường sẽ chọn ra các sinh viên người Nhật đã tham gia giao lưu tích cực với các du học sinh và khách ghé thăm đến từ nước ngoài để giữ vai trò JD-Mates (Joshi-Dai-Mates), và hỗ trợ việc sinh hoạt, học tập của các du học sinh.

Sinh viên ở ngoài Nhật Bản cũng có thể dự thi!! – Sử dụng chế độ "Công nhận nhập học trước khi sang Nhật"

Công nhận nhập học trước khi sang Nhật là chế độ cho phép thí sinh dự thi tuyển sinh vào của các trường đại học, v.v... tại Nhật Bản, và lấy được công nhận nhập học mà không cần rời khỏi đất nước của mình.

Trường thiết lập địa điểm dự thi tại 2 đất nước Hàn Quốc (chương trình A) và Việt Nam (chương trình A – chương trình B – chương trình C), sử dụng kết quả của "Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU)" (sinh viên đã dự thi ở ngoài Nhật Bản) do Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO) thực hiện, và tiến hành chế độ Công nhận nhập học trước khi sang Nhật. Nếu sử dụng chế độ này, thí sinh có thể dự thi và lấy được công nhận nhập học mà không cần đến Nhật.

● Những sinh viên sử dụng chế độ Công nhận nhập học trước khi sang Nhật sẽ có "Chế độ xin trước học bổng khuyến học dành cho du học sinh (do trường đại học giới thiệu)" của Tổ chức hỗ trợ sinh viên Nhật Bản (JASSO), và có khả năng nhận được tiền học bổng. Tham khảo: Mức trợ cấp tiền học bổng hàng tháng năm 2017 là 48.000 yên x 12 tháng (Kỳ nhập học mùa xuân) hoặc 6 tháng (Kỳ nhập học mùa thu)

Sinh viên
bậc sau
đại học

1. Phí nhập học Miễn một nửa phí nhập học (520.000 yên) (Tối đa 2 sinh viên/ngành sau đại học)
 2. Học phí Miễn một nửa học phí (535.800 yên/năm)
- [1] Năm 1, lựa chọn người có kế hoạch nghiên cứu xuất sắc qua phỏng vấn
[2] Năm 2, lựa chọn người có tiến độ, nội dung trong nghiên cứu, thành tích năm thứ 1 xuất sắc

* Những điều nêu trên là chế độ của năm 2016. Chế độ này có thể thay đổi, du học sinh vui lòng xác nhận trước. Khi có thay đổi, chúng tôi sẽ thông báo trên trang web của trường, v.v...

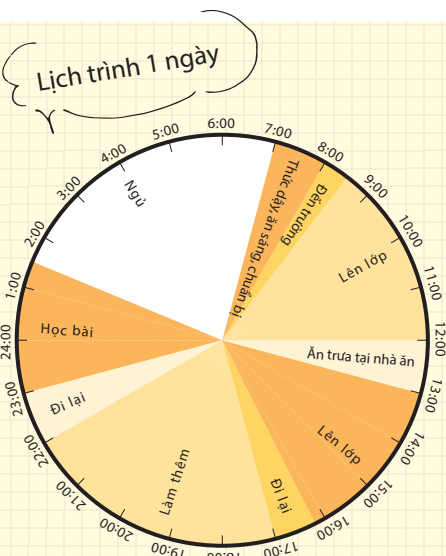
3. Ký túc xá Có thể vào ở tại ký túc xá sinh viên. (Có tuyển chọn)

Cuộc sống của du học sinh

Lý do mà tôi chọn Đại học Nữ sinh Fukuoka là bởi vì có "Ký túc xá Nadeshiko". Nhờ việc sống cùng với các bạn sinh viên người Nhật, tôi không những có thể nâng cao khả năng giao tiếp, mà còn có thể hiểu thêm về các thói quen trong sinh hoạt thường ngày và cách suy nghĩ của người Nhật. Ngoài ra, Đại học nữ sinh Fukuoka là một trường Đại học không quá lớn, ở đây tôi có thể xây dựng được mối quan hệ thân thiết với giáo viên. Nếu một người nước ngoài như tôi không hiểu điều gì khi học, tôi có thể nhờ tới sự giúp đỡ của các thầy cô mà không phải ngại ngùng. Đó là những điều khiến tôi yêu quý ngôi trường này.



Khoa Khoa học và nhân văn Quốc tế,
Ngành Giáo dục quốc tế
Ta Thị Vân
(Đến từ Bắc Ninh)



Thu nhập và chi tiêu 1 tháng (Đơn vị: yên)

Thu nhập	Số tiền	Chi tiêu	Số tiền
Tiền học bổng	20.000	Phí ký túc xá	15.000
Lương làm thêm	65.000	Tiền ăn	10.000
		Phí giao thông	7.000
		Tiền điện thoại	6.000
		Tiền bảo hiểm	2.000
		Học phí	45.000
Tổng cộng	85.000	Tổng cộng	85.000

HỌC PHÍ

SCHOOL EXPENSES

Số liệu thực tế năm 2017



Học phí

Các khoản thu khác

	Sinh viên đại học, sinh viên bậc sau đại học nói chung	
Tiền nhập học	520.000 yên	
Tiền học phí (1 năm)	535.800 yên	
Tổng cộng	1.055.800 yên	
	Sinh viên đại học	Sinh viên bậc sau đại học
Chi phí Hội hỗ trợ Sinh viên (Tiền nhập hội)	40.000 yên	—
Chi phí Hội hỗ trợ Sinh viên (Hội phí thường niên)	10.000 yên	10.000 yên
Tiền bảo hiểm	Cho 4 năm 4.010 yên (Ngành Giáo dục quốc tế, Ngành Khoa học môi trường) 4.080 yên (Ngành Thực phẩm và sức khỏe)	Chương trình đào tạo sau đại học giai đoạn 1 2.080 yên (Ngành Khoa học và nhân văn bậc sau đại học, Ngành Khoa học môi trường và con người bậc sau đại học <Lĩnh vực Khoa học tự nhiên và môi trường, Lĩnh vực Quản lý môi trường>) 2.120 yên (Ngành Khoa học môi trường và con người bậc sau đại học <Lĩnh vực Khoa học sức khỏe và dinh dưỡng>)
		Chương trình đào tạo sau đại học giai đoạn 2 3.120 yên (Ngành Khoa học và nhân văn bậc sau đại học, Ngành Khoa học môi trường và con người bậc sau đại học <Lĩnh vực Khoa học môi trường>) 3.170 yên (Ngành Khoa học môi trường và con người bậc sau đại học <Lĩnh vực Khoa học sức khỏe và dinh dưỡng>)
Phí ký túc xá (cho 1 năm) *1	193.000 yên →2	—
Phí hội đồng sinh viên (cho 4 năm)	15.000 yên	—
Tổng cộng	262.010 yên (Ngành Giáo dục quốc tế, Ngành Khoa học môi trường) 262.080 yên (Ngành Thực phẩm và sức khỏe)	Chương trình đào tạo sau đại học giai đoạn 1 12.080 yên (Ngành Khoa học và nhân văn bậc sau đại học, Ngành Khoa học môi trường và con người bậc sau đại học <Lĩnh vực Khoa học tự nhiên và môi trường, Lĩnh vực Quản lý môi trường>) 12.120 yên (Ngành Khoa học môi trường và con người bậc sau đại học <Lĩnh vực Khoa học sức khỏe và dinh dưỡng>)
		Chương trình đào tạo sau đại học giai đoạn 2 13.120 yên (Ngành Khoa học và nhân văn bậc sau đại học, Ngành Khoa học môi trường và con người bậc sau đại học <Lĩnh vực Khoa học môi trường>) 13.170 yên (Ngành Khoa học môi trường và con người bậc sau đại học <Lĩnh vực Khoa học sức khỏe và dinh dưỡng>)

*1 Trường thực hiện chế độ tất cả sinh viên ở trong ký túc xá sinh viên quốc tế Nadeshiko.

*2 Phí ký túc xá 1 năm: 180.000 yên (bao gồm chi phí điện nước, internet). Sinh viên sẽ thanh toán 13.000 yên tiền dọn dẹp khi vào ký túc xá.

THÔNG TIN TUYỂN SINH

ENTRANCE EXAMINATIONS

Thi tuyển sinh năm 2018 (Bậc đại học)

© Kỳ thi tuyển sinh dành cho du học sinh người nước ngoài Thông tin chi tiết vui lòng xem ở các mục yêu cầu đầu vào.

Chương trình	Chương trình A	Chương trình B	Chương trình C
Chỉ tiêu tuyển sinh	20 người*	Một số người*	Một số người*
Ngày thi	Ngày 27/1/2018 (Kỳ nhập học mùa xuân)	Ngày 23/7/2017 (Kỳ nhập học mùa xuân) Ngày 22/7/2018 (Kỳ nhập học mùa thu)	Ngày 10/12/2017 (Kỳ nhập học mùa xuân – mùa thu)
Địa điểm thi	● Nhật Bản (Đại học nữ sinh Fukuoka) ● Hàn Quốc (Seoul) ● Việt Nam (Hà Nội)	● Việt Nam (Hà Nội)	● Việt Nam (Hà Nội)
Cách thức tuyển chọn	● Tiểu luận ● Phỏng vấn ● Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) ● Bảng TOEFL hoặc TOEIC ● Hồ sơ nhập học	● Phỏng vấn ● Hồ sơ nhập học (bao gồm giấy giới thiệu) ● Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) ● Bảng TOEFL hoặc TOEIC	● Phỏng vấn ● Hồ sơ nhập học (bao gồm giấy giới thiệu) ● Kỳ thi du học Nhật Bản (EJU) ● Bảng TOEFL hoặc TOEIC
Những điểm cần lưu ý khác	—	● Căn sự giới thiệu của trường trung học phổ thông nước ngoài (nộp “Giấy giới thiệu”) ● Kỳ nhập học mùa thu chỉ có ngành Giáo dục quốc tế	● Căn sự giới thiệu của trường trung học phổ thông nước ngoài (nộp “Giấy giới thiệu”) ● Kỳ nhập học mùa thu chỉ có ngành Giáo dục quốc tế

*Chỉ tiêu (20 người) của chương trình A gồm số người được chọn (một số người) của chương trình B và chương trình C.

TÌNH HÌNH VIỆC LÀM – HỌC LÊN CAO

EMPLOYMENT RATE

© Lộ trình sau khi tốt nghiệp của du học sinh người nước ngoài

Sinh viên tốt nghiệp tháng 3/2017

		Tốt nghiệp	Học lên bậc sau đại học	Đang tìm việc làm	Đi làm chính thức	Tỉ lệ đi làm chính thức	Nơi làm việc	Nơi học lên
Khoa Khoa học và nhân văn Quốc tế	Ngành Giáo dục quốc tế	9	0	9	9	100%	Miyoshi Real Estate/Lawson/JR Kyushu Food Service/T&K/Plenus/Miki House/Gain/Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải (HSBC)/Công ty Thương mại quốc tế tứ xa	—
	Ngành Khoa học môi trường	4	2	2	2	100%	Anny Group/Laox	Khoa sau đại học Trường Đại học nữ sinh Fukuoka/ Khoa sau đại học Trường Đại học Kyushu
	Ngành Thực phẩm và sức khỏe	2	1	1	1	100%	Plenus	Khoa sau đại học Trường Đại học nữ sinh Fukuoka
Tổng số du học sinh		15	3	12	12	100%		
Tổng số sinh viên tốt nghiệp tại các khoa (bao gồm sinh viên người Nhật)		222	13	204	199	97.5%		
Ngành Khoa học và nhân văn bậc sau đại học	Chuyên ngành Ngôn ngữ và văn hóa	1	0	1	1	100%	Yodobashi Camera	—
	Chuyên ngành Khoa học xã hội	2	0	2	0	0%	—	—
Ngành Khoa học môi trường và con người bậc sau đại học		2	0	2	2	100%	Fountain Deli/COSMOS Pharmaceutical	—
Tổng số du học sinh		5	0	5	3	60%		
Tổng số sinh viên tốt nghiệp tại trường đại học (bao gồm sinh viên người Nhật)		14	0	13	11	84.6%		

(Đơn vị từ cột tốt nghiệp ~ đến cột đi làm chính thức: người)

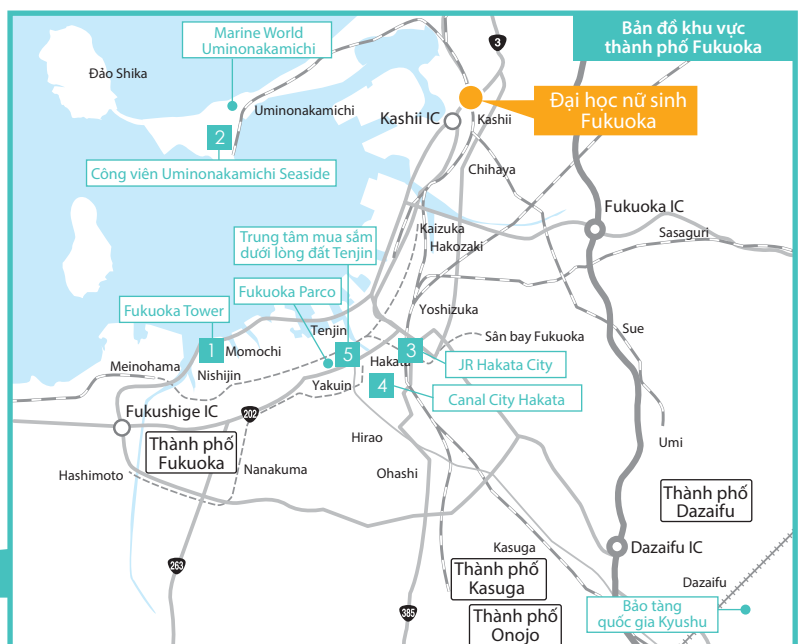
BẢN ĐỒ KHUÔN VIÊN TRƯỜNG

CAMPUS MAP



VỊ TRÍ VÀ KHU VỰC XUNG QUANH

LOCATION AND SURROUNDING





Đại học nữ sinh Fukuoka

Ban tuyển sinh – Thông tin chung – Trung tâm hỗ trợ việc làm

1-1-1, Kasumigaoka, Higashi-ku, Fukuoka-shi

Điện thoại: 092-692-3100

Email: nyushi-qa@fwu.ac.jp

<http://www.fwu.ac.jp/>